**TUẦN 8**

**TOÁN 12 trừ đi một số**

# Mục tiêu:

## \*Kiến thức, kĩ năng:

* + Thực hiện được phép tính 12 - 5.
  + Khái quát hoá được cách tính 12 trừ đi một số.

-Vận dụng:

* Thực hiện tính nhẩm 12 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20).
* Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính 12 trừ đi một số.
* Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính toán.

## \*Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.10 khối lập phương

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***5’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV cho HS bắt bài hát  -GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: nhắc lại  - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  - Cách tính 11 trừ đi một số (trừ 1 để được 10  rồi trừ số còn lại). | ***-*** HS hát  -HS chơi |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | -Ổn định , vào bài |  |
| ***15’*** | **B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH** |  |
|  | ***1/Hoạt động1: Thực hiện phép tính 12 - 5***  **HD HS theo các bước:**  Bước 1: Tìm hiểu vấn đề.  - HD HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết : 12 – 5 = ?  Bước 2: Lập kế hoạch.  -HS thảo luận cách thức tính 12 - 5, có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón tay, hình vẽ, ...).  Bước 3: Tiến hành kế hoạch  -Các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con, một vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm.  Bước 4: Kiểm tra lại.  -GV giúp HS kiểm tra:  + Kết quả.  + Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết 12-5 = ?  -GV tổng kết | -HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết: |
| -HS thảo luận |
| -HS thực hiện phép tính |
| -HS kiểm tra |
|  | ***2/Hoạt động2: Giới thiệu 12 trừ đi một số***  -GV HD:  +Thể hiện phép tính bằng trực quan.  Có 12 khối lập phương, cần bớt 5 khối lập phương: Nếu ta bớt 2 khối lập phương, rồi lại bớt 3 khối lập phương nữa (tức là bớt 5 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.  12 - 2 = 10; 10 – 3 = 7  Trừ 2 để được 10 rồi trừ 3  -GV kết luận: *Trừ để được 10 rồi lấy 10 trừ số còn lại* | -HS theo dõi  -HS thực hiện trừ  -HS nhắc lại nhiều lần |
| ***13’*** | **C.LUYỆN TẬP** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
|  | **Bài 1:**   * Tìm hiểu bài * HS tự tìm hiểu và thực hiện (bảng con). * Giúp HS nhận biết 12-2-1 = 12-3. * GV nhận xét | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 2:**  **-** Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS làm  Muốn lấy 12 trừ đi một số ta làm thế nào? (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  Trừ mấy để được 10? (trừ 2).  -GV nhận xét, | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 3:**  **-**Nêu yêu cầu bài tập  -HD HS làm  **+** Lúc đầu có 10 con mèo  + Sau đó 3 con mèo rời đi  + Viết phép tính để tìm số mèo còn lại  -GV nhận xét bổ sung | - HS nêu yêu cầu bài tập.  --HS thực hiện phép tính  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***2’*** | **D. CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  ? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  ? - Cách tính 12 trừ đi một số (trừ 2 để được 10 rồi trừ số còn lại).  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |

**TOÁN 13 trừ đi một số**

# Mục tiêu:

## \*Kiến thức, kĩ năng:

* + Thực hiện được phép tính 13 - 5.
  + Khái quát hoá được cách tính 13 trừ đi một số.

-Vận dụng:

* Thực hiện tính nhẩm 13 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20).
* Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính 13 trừ

đi một số.

## \*Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.10 khối lập phương

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***5’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV cho HS bắt bài hát  -GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: nhắc lại  - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  - Cách tính 12 trừ đi một số (trừ 2 để được 10 rồi trừ số còn lại).  -Ổn định , vào bài | ***-*** HS hát  -HS chơi |
| ***15’* B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH** | | |
|  | ***1/Hoạt động1: Thực hiện phép tính 13 - 5***  **HD HS theo các bước:**  Bước 1: Tìm hiểu vấn đề.  - HD HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết : 13 – 5 = ?  Bước 2: Lập kế hoạch.  -HS thảo luận cách thức tính 13 - 5, có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón | -HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết: |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | tay, hình vẽ, ...).  Bước 3: Tiến hành kế hoạch  -Các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con, một vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm.  Bước 4: Kiểm tra lại.  -GV giúp HS kiểm tra:  + Kết quả.  + Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết 13-5 = ?  -GV tổng kết | -HS thảo luận  -HS thực hiện phép tính  -HS kiểm tra |
|  | ***2/Hoạt động2: Giới thiệu 13 trừ đi một số***  -GV HD:  +Thể hiện phép tính bằng trực quan.  Có 13 khối lập phương, cần bớt 5 khối lập phương: Nếu ta bớt 3 khối lập phương, rồi lại bớt 2 khối lập phương nữa (tức là bớt 5 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.  13 - 3 = 10; 10 – 2 = 8  Trừ để được 10 rồi trừ 2  -GV kết luận: *Trừ để được 10 rồi lấy 10 trừ số còn lại* | -HS theo dõi  -HS thực hiện trừ  -HS nhắc lại nhiều lần |
| ***13’* C.LUYỆN TẬP** | | |
|  | **Bài 1:**   * Tìm hiểu bài * HS tự tìm hiểu và thực hiện (bảng con). * Giúp HS nhận biết 13-3-1 = 12-4. * GV nhận xét | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 2:**  **-** Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS làm  Muốn lấy 13 trừ đi một số ta làm thế nào? (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  Trừ mấy để được 10? (trừ 3). | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | -GV nhận xét, |  |
|  | **Bài 3:**  **-**Nêu yêu cầu bài tập  -HD HS làm  -GV nhận xét bổ sung | - HS nêu yêu cầu bài tập.  --HS thực hiện phép tính  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***2’*** | **D. CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  ? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  ? - Cách tính 11, 12, 13 trừ đi một số (trừ 1, 2 3 để được 10 rồi trừ số còn lại).  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |

**TOÁN 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số (Tiết 1)**

# Mục tiêu:

## \*Kiến thức, kĩ năng:

* + Thực hiện được phép tính 19 - 9.
  + Khái quát hoá được cách tính 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.

-Vận dụng:

* Thực hiện tính nhẩm qua 10 trong phạm vi 20 và phân biệt đối với các trường hợp cụ thể.
* Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách trừ qua 10 trong phạm vi 20.
  + Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến việc tính toán

## \*Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 30 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.10 khối lập phương

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***5’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV cho HS bắt bài hát  -GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: nhắc lại  - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  - Cách tính 11, 12, 13 trừ đi một số (trừ 1, 2,3 để được 10 rồi trừ số còn lại).  -Ổn định , vào bài | ***-*** HS hát  -HS chơi |
| ***25’* B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH** | | |
|  | ***1/Hoạt động1: Thực hiện phép tính 16 - 9***  -HD HS sử đụng cách trừ khái quát: Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại để thực hiện (có thể dùng đồ đùng hỗ trợ).  - HD thể hiện phép tính bằng trực quan.  + Có 16 khối lập phương, cần bớt 9 khối lập phương : Nếu ta bớt 6 khối lập phương, lồi lại bớt 3 khối lập phương nữa (tức là bớt 9 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.  + Trà 6 để được 10 rồi trừ 3.  - GV: *Ta luôn trừ để được 10 rồi trừ số còn lại* | -HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết:  -HS thảo luận theo nhóm đôi  -HS thực hiện phép tính 16 – 9 = 16 – 6 – 3 = 7  -HS đọc lại nhiều lần |
|  | ***2/Hoạt động2: Hệ thống hóa cách tính 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số***  -GV HD HS chơi trò chơi để HS nói cách trừ đối với từng số và cách trừ khái quát.  + 11, 12,13 trừ đi một số (trừ 1,2,3 rồi trừ số còn lại).  + 14, 15,16, 17,18 trừ đi một số (trừ 4, 5,6, 7,8  rồi trừ số còn lại). | -HS chơi |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | + Trừ một số qua 10 trong phạm vi 20 (trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  - Thực hành trừ với các phép tính cụ thể. Ví dụ: 14-7,18-9,15-8, 13-4, ...  GV: *Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại* | -HS thực hiện trừ  -HS nhắc lại nhiều lần |
| ***5’*** | **C. CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  ? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  ? - Cách tính 11, 12, 13, 14, 15, 16,17, 18 trừ đi một số (trừ 1, 2 3 8 để được 10 rồi trừ số còn  lại).  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |

**TOÁN 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số (Tiết 2)**

# Mục tiêu:

## \*Kiến thức, kĩ năng:

* + Thực hiện được phép tính 19 - 9.
  + Khái quát hoá được cách tính 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.

-Vận dụng:

* Thực hiện tính nhẩm qua 10 trong phạm vi 20 và phân biệt đối với các trường hợp cụ thể.
* Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách trừ qua 10 trong phạm vi 20.
  + Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến việc tính toán

## \*Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 30 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.10 khối lập phương

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***5’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV cho HS bắt bài hát  -GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: nhắc lại  - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  - Cách tính 11, 12, 13 trừ đi một số (trừ 1, 2,3 để được 10 rồi trừ số còn lại).  -Ổn định , vào bài | ***-*** HS hát  -HS chơi |
| ***25’* B.LUYỆN TẬP** | | |
|  | **Bài 1:**   * Tìm hiểu bài * HS tự tìm hiểu và thực hiện (bảng con). * Giúp HS nhận biết 15-5-2 = 15 - 7. * GV nhận xét | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 2:**  **-** Nêu yêu cầu bài tập  - HS nhận biết: các phép tính trong bài có nhiều trường hợp: 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.  Muốn lấy 14 trừ đi một số ta làm thế nào? (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại)  Trừ mấy để được 10? (trừ 4)  - Khi sửa bài, thường xuyên cho HS nhắc lại cách tính khái quát.  -GV nhận xét, | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 3:**  **-**Nêu yêu cầu bài tập  -HD HS làm  -GV nhận xét bổ sung | * HS nêu yêu cầu bài tập. * HS thực hiện phép tính * HS khác nhận xét, bổ sung. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Bài 4:**  -HS đọc yêu cầu, quan sát tranh và nhận biết: kết quả trên mỗi “tấm vé” là số toa mà rùa sẽ lên.  - Sau khi sửa bài, HS đọc để GV viết các phép tính trong bài theo thứ tự các kết quả từ bé đến lớn. | * HS nêu yêu cầu bài tập. * HS thực hiện phép tính * HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***5’*** | **C. CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  ? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  ? - Cách tính 11, 12, 13, 14, 15, 16,17, 18 trừ đi một số (trừ 1, 2 3 8 để được 10 rồi trừ số còn  lại).  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |

**TOÁN Bảng trừ (Tiết 1)**

# Mục tiêu:

## \*Kiến thức, kĩ năng:

* + Hệ thông hóa các phép trừ qua 10 trong phạin vi 20
  + Vận dụng bảng trừ:
* Tính nhẩm.
* So sánh kết quả của tổng, hiệu.
* Làm quen với quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.
* GQVĐ đơn giản liên quan đến số và phép tính.

## \*Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); bảng trừ qua 10 chư hoàn chỉnh

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** | |
| ***5’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV cho HS bắt bài hát  - Cho HS chơi trò chơi Gió thổi  -GV: Gió thổi, gió thổi! HS: Thổi gì, thổi gì? | ***-*** HS hát  -HS chơi | |
|  | GV: Thổi cách trừ qua 10 trong phạm vi 20. HS: Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại  GV: 11 trừ đi một số.  HS: trừ 1 rồi trừ số còn lại. |  | |
|  | …………  -Ổn định , vào bài |  | |
| ***25’*** | **B. THỰC HÀNH** *Thực hành với bảng trừ* |  |  |
|  | ***1/Hoạt động1: Khôi phục bảng trừ***   * HS quan sát tổng quát bảng trừ (chưa hoàn chỉnh), nhận biết quy luật sắp xếp của bảng (mỗi cột là một bảng trừ, trong mỗi cột: số bị trừ không đổi, số trừ tăng dần). * HS bổ sumg các phép trừ còn thiếu (11 - 4,11   - 6,...).   * HS đọc các phép trừ theo cột, theo hàng, theo màu (Ví dụ: 11 -2 = 9, ...), * GV điền kết quả vào bảng. * Với mỗi cột, GV hỏi cách trừ một vài trường hợp, ví dụ: tại sao 14-8 = 6. * Giúp HS nhận ra các ô cùng màu là các phép trừ có hiệu bằng nhau. * Nhận **xét** sự liên quan giữa bảng trừ và bảng cộng: *mỗi phép tính ở bảng trừ, nếu ta đọc từ phải sang trái thì lại được các phép tính ở bảng cộng.*   Ví dụ: 12-3 = 9; 9 + 3 = 12. | | -HS đọc yêu cầu, quan sát, nhận biết |
| được vấn đề cần giải quyết: |
| -HS nêu các phép trừ còn thiếu |
| -HS đọc |
| -HS trả lời |
| -HS đọc |
|  | ***2/Hoạt động2: Thực hành với bảng trừ***  ***Bài 1:*** | |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | -Nêu yêu cầu bài tập  -HD HS làm bài theo nhóm đôi  -GV nhận xét HS hoạt độiig nhóm đôi theo yêu cầu trong SGK. | -HS nêu  -HS làm Bài tập  -Trình bày, nhận xét |
| ***5’*** | **C. CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  ? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).  ? - Cách tính 11, 12, 13, 14, 15, 16,17, 18 trừ đi một số (trừ 1, 2 3 8 để được 10 rồi trừ số còn lại).  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |

**TOÁN**

1. **Mục tiêu:**

**NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 1)**

## \*Kiến thức, kĩ năng:

* + Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
  + Vận dụng GQVĐ liên quan:
  + Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

## \*Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***8’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  - GV cho HS bắt bài hát  -Vào bài mới | - HS hát  ***-***HS lắng nghe |
| **B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:** | | |
| ***10’*** | ***Hoạt động 1.*** Giới thiệu nhiều hơn, ít hơn  -Hd HS sử dụng ĐDDH thể hiện số kẹo của bạn trai, bạn gái. Nhận biết số lớn, số bé, phần chênh lệch.  -HS quan sát hình ảnh mô hình kẹo của hai bạn, nhận  biết  -GV dùng ĐDDH khái quát quan hệ nhiều hơn, ít hơn:   * Số kẹo bạn trai là số bé (6). * Sổ kẹo bạn gái là số lớn (9). | -HS thực hiện  -HS quan sát nhận biết  +Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo.  +Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3  cái kẹo |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | * Số kẹo bạn gái nhiều hơn bạn trai cũng chính là số kẹo bạn trai ít hơn bạn gái (phần chênh lệch).   Nếu không có đồ dùng thay thế số kẹo, ta sẽ làm phép tính như thế nào để biết nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu?  HS viết ra bảng con: 9 - 6 = 3 (tìm phần chênh lệch).   * GV chi vào từng thành phần của phép tính trên để HS nói:   Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo. Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo. | -HS quan sát  -HS viết ở bảng con  -Nhận xét |
| ***15’*** | ***Hoạt động 2:Thực hành***  ***Bài 1:*** HS sử dụng ĐDHT, mỗi nhóm lấy số khối lập phương  ***Bài 2:*** GV hd, HS nhận biết các việc cần làm   * Quan sát hình ảnh.   Nêu số lớn, số bé và số chỉ phần chênh lệch.   * Thực hiện phép tính để tìm phần chênh lệch. * Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn để kết luận.   - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang  nội dung mới. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***3’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |

**TOÁN**

1. **Mục tiêu:**

**NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)**

## \*Kiến thức, kĩ năng:

* + Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
  + Vận dụng GQVĐ liên quan:
  + Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

## \*Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***3’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -GV cho HS bắt bài hát  -Ổn định , vào bài | ***-*** HS hát |
| ***20’* B.LUYỆN TẬP :** | | |
|  | ***Hoạt động: Luyện tập***  *\*Bài 1:*  *-*Nêu yêu cầu bài tập  - HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch.  (GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.)  **-**GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói.  Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”.  - GV nhận xét, củng cố | -HS nêu yêu cầu bài tập  -HS làm việc theo nhóm  -HS trả lời |
|  | **Bài 2:**  -HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ (10 cm - 6 cm = 4 cm).  -Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải thích từng bước làm.  -Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tim phần chênh lệch.  -GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.  Ví dụ:  - GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.  HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện  -HS khác nhận xét, bổ sung. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:  HS 1. Báiih nhiều hơn kẹo 7 cái. HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái |  |
| ***12’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**   * GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tim phần chêiìh lệch. * GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”. Ví dụ:   GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.  HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:  HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.  -GV nhận xét, tuyên dương | -HS chơi trò chơi  -HS trả lời, thực hiện |

**TOÁN**

1. **Mục tiêu:**

**Em làm được những gì? ( Tiết 1)**

## \*Kiến thức, kĩ năng:

* + Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
  + Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
  + Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
  + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
  + Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

## \*Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

# III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

# III. Các hoạt động dạy học*:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TL*** | ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| ***8’*** | **A.KHỞI ĐỘNG :**  -Trò chơi: ĐỐ BẠN  +GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?  +Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7.  +GV: Gộp 80 và 7 được số nào?  +Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87.  -Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội.  -GV vào bài | -HS chơi |
| ***22’* B.LUYỆN TẬP :** | | |
|  | ***Hoạt động: Luyện tập***  ***Bài 1:***  -Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biêt   * Yêu cầu của bài: số?. * Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10).   - Khi sửa bài, khuyến khích HS giải **thích** tại sao điền như vậy.  Ví dụ:   1. Em đếm thêm 1. 2. Em đếm thêm 2. 3. Em đếm thêm 10.   - GV nhận xét, củng cố | -HS nêu yêu cầu bài tập  -HS làm ở bảng con  -HS trả lời |
| ***’*** | **Bài 2:**  - HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện.   * Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3. * Viết bổn pliép tính với ba số: 73; 70 và 3.   - Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số.  Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS trả lời |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | -HS nêu  -G nhận xét | -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 3:**  -Nêu yêu cầu bài tập  -HD HS thực hiện 34 + 52 = 86  34 là số hạng 52 là số hạng 86 là tổng  -HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi đọc phép tính để tìm số bị chia.  -HS thay ? bằng phép tính thích hợp  -GV nhận xét ,bổ sung | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
|  | **Bài 4:**   * HS tìm **hiểu** bài, **nhận biết:** đặt tính rồi tính * HS **thực hiện** (bảng con). * Sửa bài. * HS **làm** tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính).   \* Lưu ý HS đặt đúng phép tính 8 + 41  -GV nhận xét ,bổ sung | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS làm bài  -HS khác nhận xét, bổ sung. |
| ***5’*** | **C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ**  - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS trả lời, thực hiện |